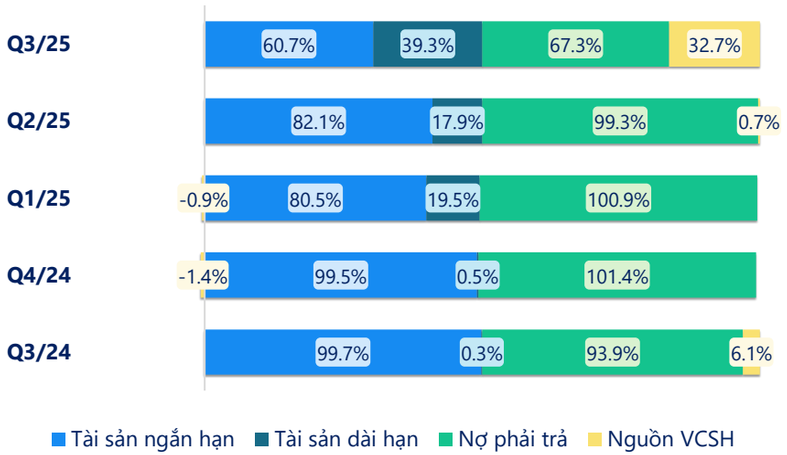
FireAnt

CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
SL cổ phiếu LH	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	77,040
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
P/E	
EPS	

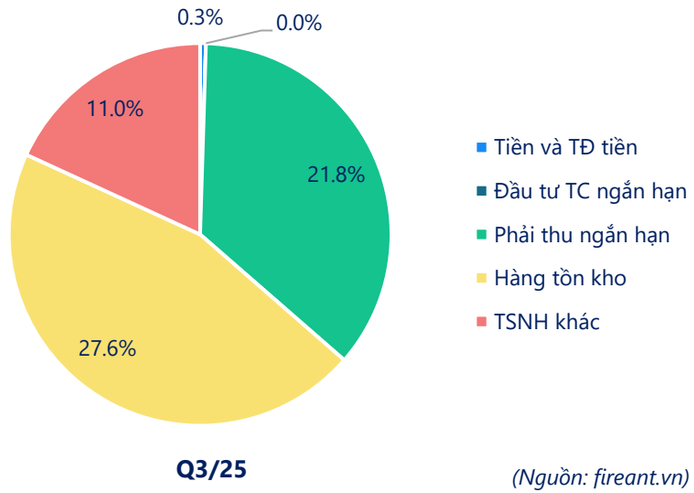
	YTD	1T	3T	6T
ATG	309.5%	36.5%	132.4%	186.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



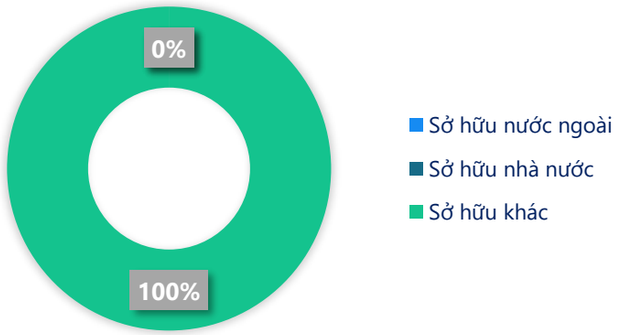
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



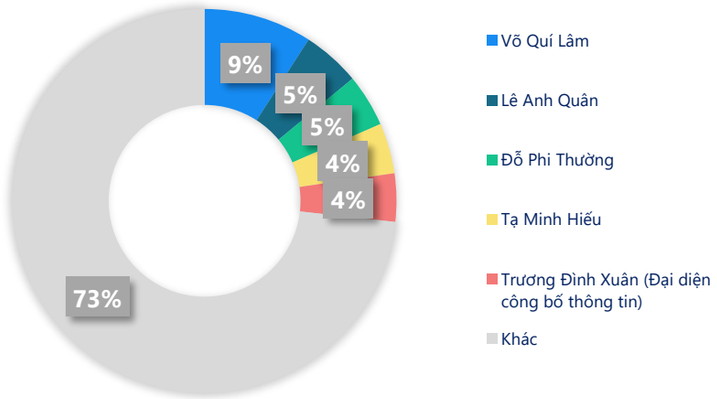
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



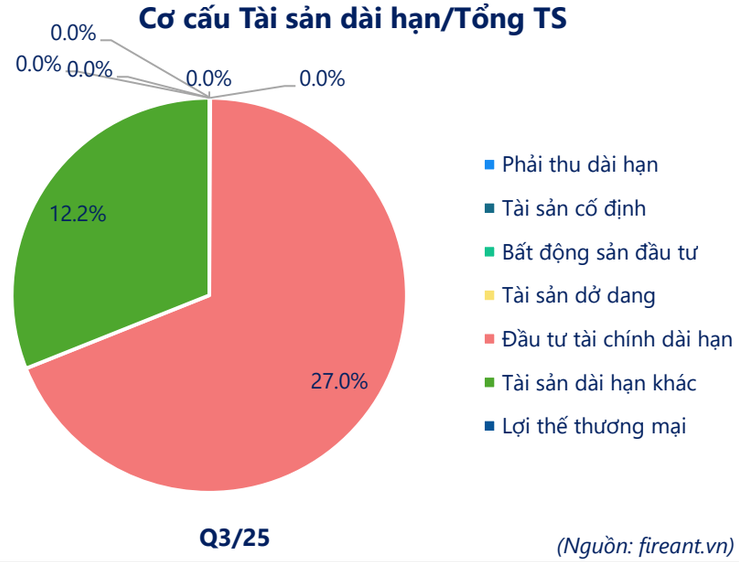
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

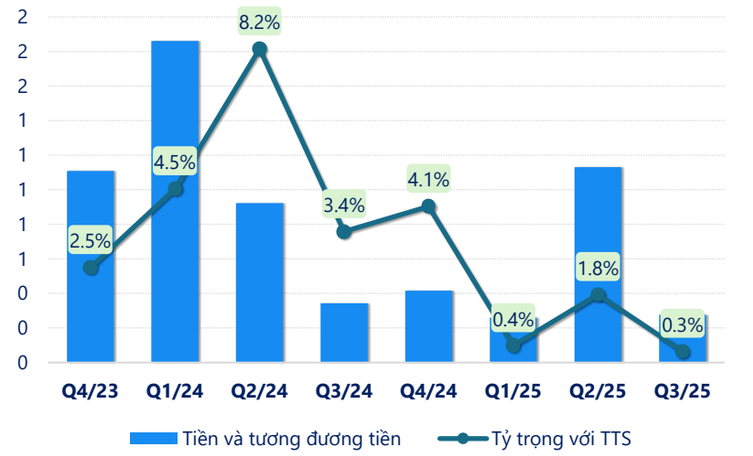


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

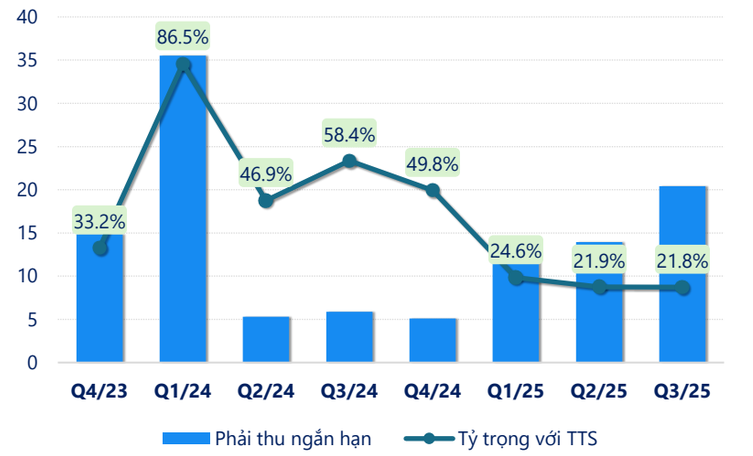
CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Tiền và tương đương tiền



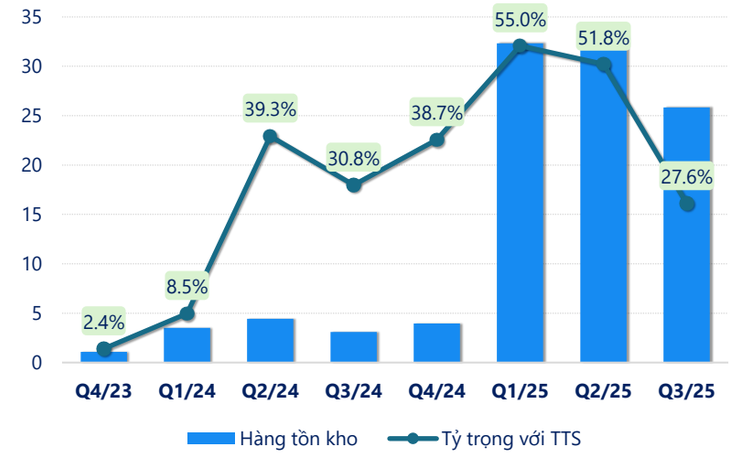
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



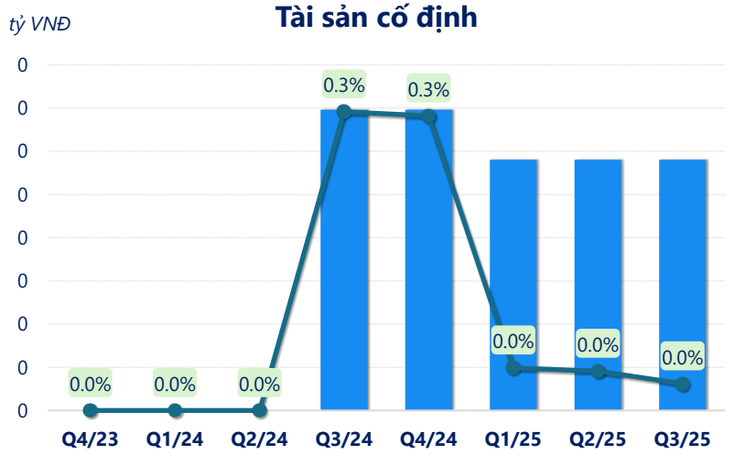
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



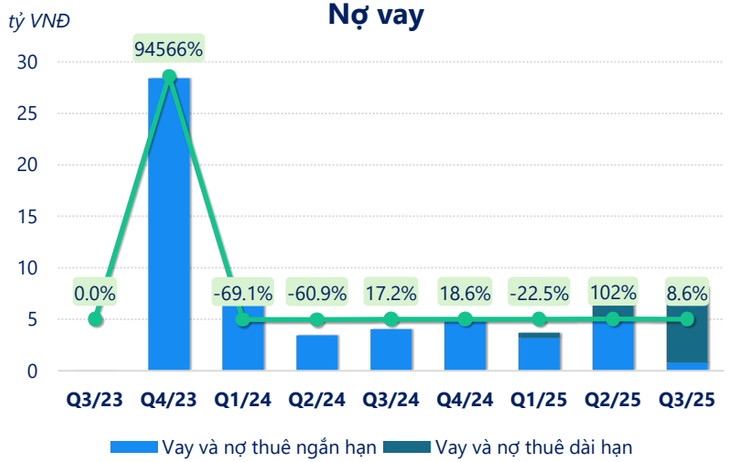
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



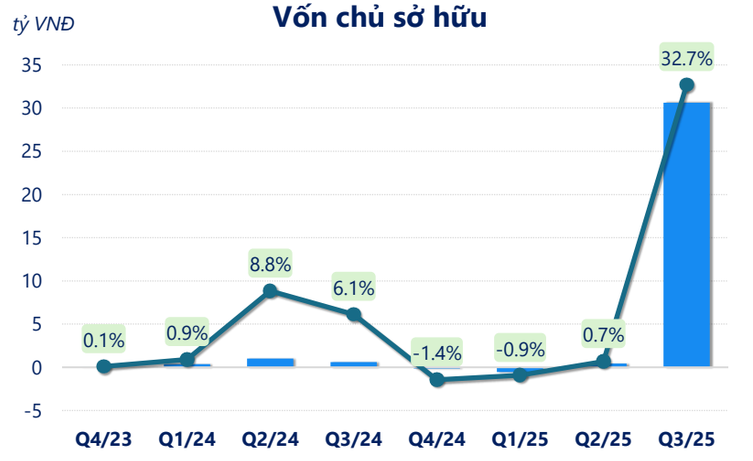
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

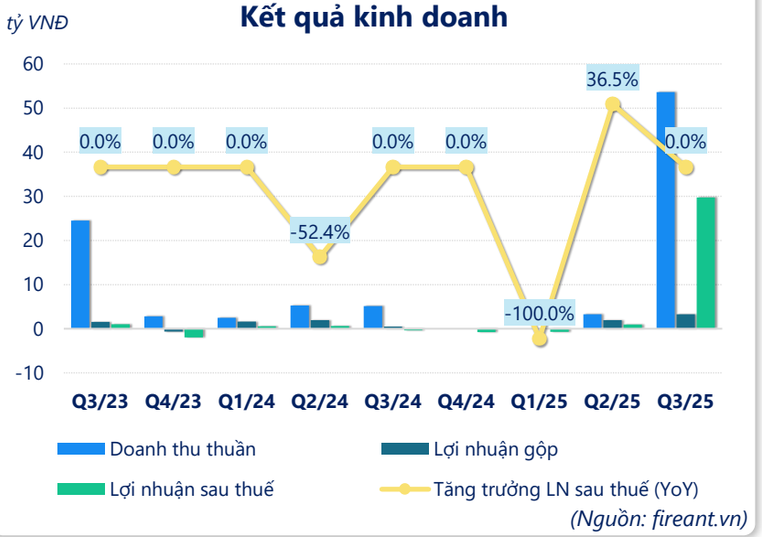
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

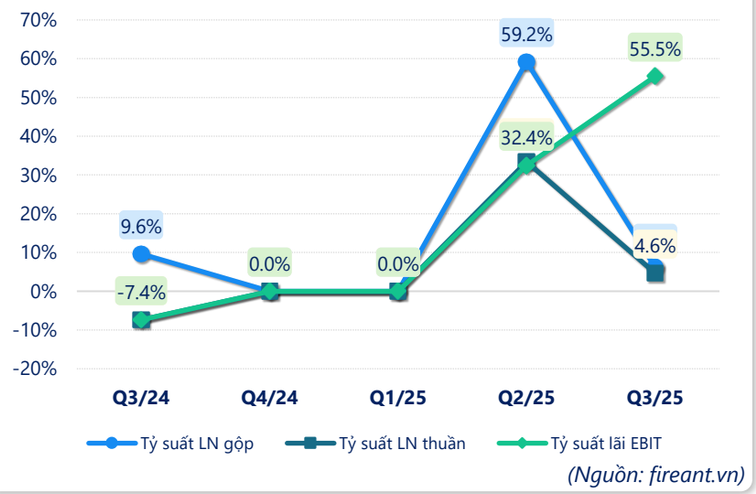
CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Kết quả kinh doanh



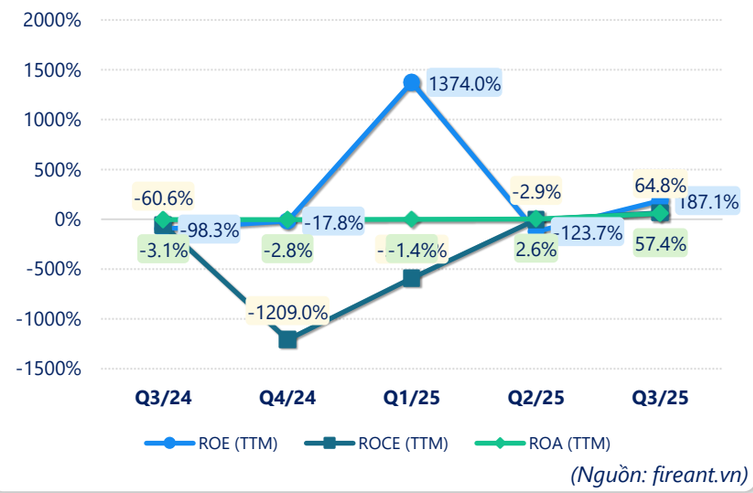
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



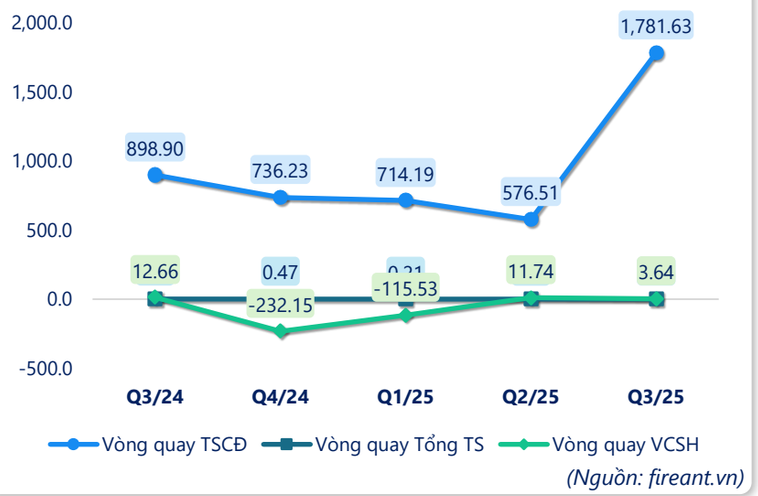
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



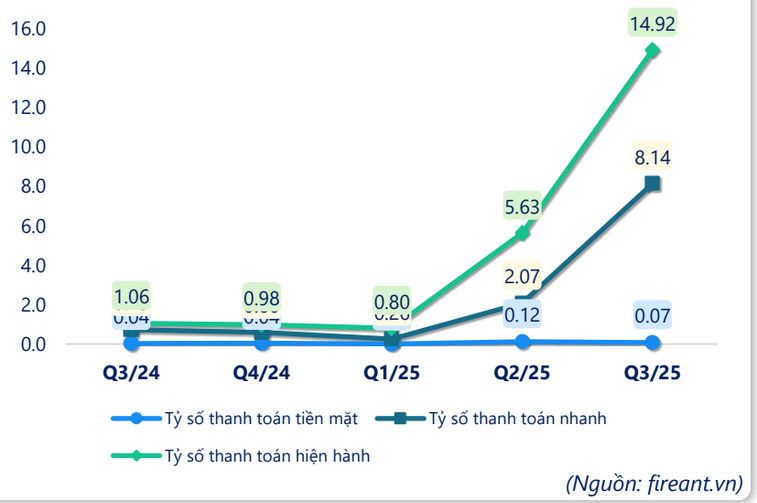
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



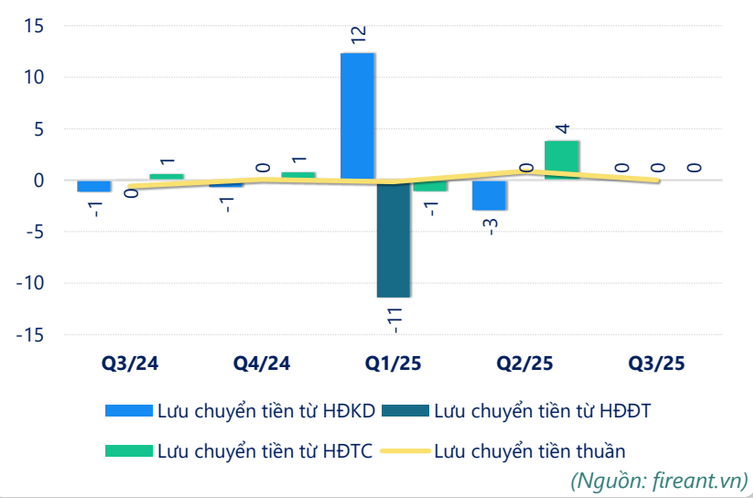
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**93.6**	**8.56**	**994%**
Tài sản ngắn hạn	56.8	8.51	568%
Tiền và tương đương tiền	0.28	0.42	-33.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	20.4	4.24	382%
Hàng tồn kho	25.8	3.47	643%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	0.38	2602%
Tài sản dài hạn	**36.7**	**0.05**	**81143%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.03	0.03	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.3	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.4**	**0.02**	**70270%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.9	8.39	650%
Nợ ngắn hạn	**3.81**	**7.15**	**-46.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.80	3.54	-77.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	-0.69	0.34	-302%
Nợ dài hạn	59.1	1.24	4669%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.33	1.24	492%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**30.6**	**0.16**	**18462%**
Vốn chủ sở hữu	**30.6**	**0.16**	**18462%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	5.12	0	0	3.24	53.6
Giá vốn hàng bán	4.63	0	0	1.32	50.3
Lợi nhuận gộp	0.49	0	0	1.92	3.30
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.02
Chi phí QLDN	0.87	0.70	0.72	0.84	0.80
LN thuần từ HĐKD	-0.38	-0.70	-0.72	1.08	2.49
Lợi nhuận khác	0	-0.06	0	-0.03	27.2
LN trước thuế	-0.38	-0.77	-0.72	1.05	29.7
Lợi nhuận sau thuế	-0.38	-0.77	-0.72	0.98	29.7
LNST của CĐ cty mẹ	-0.38	-0.77	-0.72	0.98	29.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.13	-0.68	12.3	-2.92	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.04	0	-11.4	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.59	0.75	-1.08	3.79	0
Tiền đầu kỳ	0.92	0.34	0.42	0.26	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.58**	**0.07**	**-0.16**	**0.87**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.34	0.42	0.26	1.13	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic